TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:284/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 276/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc yêu cầu: *"Công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông Mai L, Sinh năm: 1974. Trú tại:tổ 56, phường Q, quận S, Tp Đà Nẵng.

+ Bà Lê Thị T, Sinh năm: 1973. Trú tại:tổ 56, phường Q, quận S, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của Ông Mai L và Bà Lê Thị T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Mai L và Bà Lê Thị T đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, quận S, TP. Đà Nẵng vào năm 2003. Hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông Mai L và Bà Lê Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông L và bà T lại không

làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông L và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông L và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông L và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định vợ chồng có 04 người con chung là cháu Mai Thị Phương L sinh ngày 17 tháng 04 năm 1997, Mai Thị Phương T sinh ngày 22 tháng 08 năm 2005, Mai Thị Phương V sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007, Mai Lê Nhật H sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014. Cháu Mai Thị Phương L và Mai Thị Phương T hiện nay đã đủ 18 tuổi và đã phát triển bình thường do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn ông L và bà T thống nhất và thoả thuận giao 02 con Phương V và Nhật H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của Ông Mai L và Bà Lê Thị T là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của Ông Mai L và Bà Lê Thị T.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST:300.000 đồng, Ông Mai L và Bà Lê Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do Ông Mai L và Bà Lê Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0002917 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Mai L và Bà Lê Thị T hành**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông Mai L và Bà Lê Thị T nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 54/2003 do Ủy ban nhân dân phường Q, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 01/04/2003 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định vợ chồng có 04 người con chung là cháu Mai Thị Phương L sinh ngày 17 tháng 04 năm 1997, Mai Thị Phương T sinh ngày 22 tháng 08 năm 2005, Mai Thị Phương V sinh ngày 19 tháng 9 năm 2007, Mai Lê Nhật H sinh ngày 20 tháng 6 năm 2014. Cháu Mai Thị Phương L và Mai Thị Phương T hiện nay đã đủ 18 tuổi và

đã phát triển bình thường do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn ông L và bà T thống nhất và thoả thuận giao 02 con Phương V và Nhật H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- - Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, Ông Mai L và Bà Lê Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, Ông Mai L và Bà Lê Thị T phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do Ông Mai L và Bà Lê Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0002917 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim Nhung